SÁP NHẬP CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Trần Nguyễn Minh Nhựt
Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
Email: Nhuttnm@kthcm.edu.vn

Tóm tắt: *Trong bối cảnh đổi mới quản trị giáo dục và thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn các đơn vị sự nghiệp công lập, việc sáp nhập các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng được xem là một giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, tăng cường năng lực quản trị và thúc đẩy thực hiện quyền tự chủ. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, phân tích và tổng hợp các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước cùng các công trình nghiên cứu liên quan để làm rõ mối quan hệ giữa sáp nhập cơ sở giáo dục với quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, quá trình sáp nhập tạo nhiều cơ hội trong việc tinh gọn bộ máy, tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản trị và mở rộng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra những thách thức về quản trị tổ chức, tích hợp nguồn lực, bảo đảm chất lượng đào tạo và tăng cường trách nhiệm giải trình. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao năng lực quản trị, thực hiện quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục trong bối cảnh hiện nay.*

Từ khóa: *Quản trị giáo dục, sáp nhập cơ sở giáo dục, tự chủ đại học, tự chủ tài chính, trách nhiệm giải trình.*

MERGERS OF HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS AND COLLEGES: OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FOR AUTONOMY AND ACCOUNTABILITY

Abstract: *In the context of educational governance reform and the implementation of the policy to reorganize and streamline public service units, the merger of higher education institutions is seen as a solution to improve resource utilization efficiency, enhance governance capacity, and promote autonomy. This article uses a document research method, analyzing and synthesizing the policies and guidelines of the Party and State, along with related research works, to clarify the relationship between educational institution mergers and autonomy and accountability. The research results show that the merger process creates many opportunities for streamlining the organizational structure, optimizing resources, improving governance efficiency, and expanding the autonomy of educational institutions. However, this process also poses challenges in organizational governance, resource integration, ensuring training quality, and enhancing accountability. Based on this, the article proposes several policy implications to improve the legal framework, enhance governance capacity, implement autonomy coupled with accountability, and build a system for evaluating post-merger effectiveness, contributing to improving the quality and efficiency of educational institutions in the context of current educational reforms.*

Keywords: *Educational governance, merger of educational institutions, university autonomy, financial autonomy, accountability.*

Nhận bài: 11/06/2026 *Phản biện: 11/07/2026* *Duyệt đăng: 14/07/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới quản trị quốc gia và thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy, việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập đang được Đảng và Nhà nước triển khai mạnh mẽ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và sử dụng tối ưu các nguồn lực xã hội. Tiêu biểu là các Nghị quyết như Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, là bước ngoặt đột phá, quyết liệt sắp xếp, sáp nhập, giải thể các trường không đạt chuẩn, yếu kém. Kết luận số 210-KL/TW do Tổng Bí thư Tô Lâm ký ban hành ngày 12/11/2025 là văn bản mang tính bước ngoặt nhằm đẩy mạnh cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy toàn diện của hệ thống chính trị. Đối với hệ thống trường đại học và các đơn vị sự nghiệp công lập, tinh thần của Kết luận 210-KL/TW đặt ra các yêu cầu cốt lõi sau: Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy tinh gọn, nâng cao hiệu năng, hiệu lực hoạt động, chú trọng thúc đẩy việc tái cấu trúc và sắp xếp lại các cơ sở giáo dục, đảm bảo hoạt động hiệu quả và tự chủ. Bên cạnh đó là đẩy mạnh cải cách tiền lương và phụ cấp gắn liền với tinh giản biên chế phù hợp, không chỉ hướng đến mục tiêu tinh giản đầu mối quản lý mà còn tạo điều kiện hình thành các cơ sở giáo dục có quy mô lớn hơn, nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng đào tạo và khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh mới. Nghị quyết 281/NQ-CP và 105/NQ-CP của Chính phủ chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát, sáp nhập/giải thể các trường không đạt chuẩn, hoạt động kém hiệu quả theo phương án và mô hình tinh gọn khoảng 140 trường. Thực hiện theo quy

hoạch là sáp nhập dựa trên quy hoạch tổng thể và chỉ định từ cấp trên với đa dạng hình thức như chuyển trường về địa phương quản lý, sáp nhập vào đại học lớn, hoặc hợp nhất các trường tương đồng. Mục tiêu là đẩy mạnh tự chủ, quản trị hiện đại, giảm thủ tục hành chính.

Song song với quá trình sắp xếp hệ thống giáo dục, chủ trương đẩy mạnh quyền tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học đang trở thành một trong những định hướng quan trọng của quá trình đổi mới giáo dục. Tự chủ đại học được kỳ vọng sẽ tạo động lực để các cơ sở giáo dục phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quản trị, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên, quyền tự chủ chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi đi đôi với trách nhiệm giải trình, bảo đảm tính công khai, minh bạch và trách nhiệm trước Nhà nước, người học, các bên liên quan và toàn xã hội. Thực tiễn cho thấy, việc sáp nhập các cơ sở giáo dục vừa mở ra nhiều cơ hội như tối ưu hóa nguồn lực, giảm chi phí quản lý, nâng cao năng lực quản trị và tăng khả năng thực hiện tự chủ, nhưng đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức. Những khác biệt về mô hình tổ chức, cơ cấu nhân sự, văn hóa tổ chức, cơ chế tài chính và phương thức quản trị có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục sau sáp nhập. Bên cạnh đó, khi quy mô tổ chức ngày càng mở rộng và mức độ tự chủ được nâng cao thì yêu cầu về minh bạch thông tin, kiểm soát nội bộ và trách nhiệm giải trình cũng trở nên cấp thiết hơn.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến tự chủ đại học, tự chủ tài chính hoặc trách nhiệm giải trình trong các cơ sở giáo dục, song các nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa quá trình sáp nhập cơ sở giáo dục với việc thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong bối cảnh đổi mới quản trị giáo dục ở Việt Nam vẫn còn tương đối hạn chế. Khoảng trống này đòi hỏi cần có những phân tích mang tính tổng hợp nhằm làm rõ những cơ hội, thách thức cũng như các điều kiện để quá trình sáp nhập thực sự trở thành động lực thúc đẩy tự chủ và nâng cao chất lượng quản trị các cơ sở giáo dục. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích mối quan hệ giữa sáp nhập cơ sở giáo dục với việc thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình; đồng thời đánh giá những cơ hội, thách thức đặt ra trong quá trình triển khai và đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả quản trị các cơ sở giáo dục sau sáp nhập, góp phần thực hiện thành công mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Sáp nhập cơ sở giáo dục

Sáp nhập cơ sở giáo dục là quá trình hợp nhất hai hoặc nhiều cơ sở giáo dục thành một tổ chức thống nhất nhằm tái cấu trúc hệ thống, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản trị và sử dụng tối ưu các nguồn lực (Tuấn và cộng sự, 2021; Varghese & Martin, 2014). Việc sáp nhập không chỉ đơn thuần là sự thay đổi về mặt tổ chức hành chính mà còn bao gồm quá trình tích hợp chiến lược phát triển, cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất và các nguồn lực tài chính của các cơ sở giáo dục. Trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay, sáp nhập được xem là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực, quy mô đào tạo nhỏ và chồng chéo về ngành nghề đào tạo. Nhiều quốc gia đã thực hiện sáp nhập các cơ sở giáo dục để hình thành những trường đại học có quy mô lớn, tăng cường năng lực nghiên cứu, nâng cao chất lượng đào tạo và cải thiện vị thế trong các bảng xếp hạng quốc tế (Wollscheid & Rosdal, 2021; Salmi, 2007). Đối với Việt Nam, chủ trương sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và các cơ sở giáo dục nói riêng đang tạo tiền đề quan trọng để đổi mới mô hình quản trị, hướng tới xây dựng hệ thống giáo dục tinh gọn, hiệu quả và phát triển bền vững.

2.2. Tự chủ đại học và tự chủ tài chính

Tự chủ đại học là quyền của cơ sở giáo dục trong việc chủ động quyết định và chịu trách nhiệm về các hoạt động học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính và quản trị nhằm thực hiện sứ mạng và mục tiêu phát triển (Hoa & Nhung, 2025; Quốc hội, 2012). Trong đó, tự chủ tài chính cho phép nhà trường chủ động khai thác, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính một cách hiệu quả, minh bạch và đúng quy định. Thực hiện tự chủ góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, đổi mới đào tạo, phát triển đội ngũ và nghiên cứu khoa học (Varghese & Martin, 2014; Tuấn, 2024). Tuy nhiên, mức độ tự chủ phụ thuộc vào năng lực quản trị, nguồn lực và môi trường chính sách. Vì vậy, nếu được triển khai hợp lý, sáp nhập cơ sở giáo dục có thể tạo điều kiện mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và tăng cường năng lực thực hiện quyền tự chủ.

2.3. Trách nhiệm giải trình và mối quan hệ giữa sáp nhập với tự chủ đại học

Trách nhiệm giải trình là yêu cầu các cơ sở giáo dục công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm về các quyết định, hoạt động và kết quả trước Nhà

nước, người học và các bên liên quan (Mishra, 2021; OECD, 2020). Nội dung giải trình bao gồm tài chính, chất lượng đào tạo, hiệu quả sử dụng nguồn lực, nghiên cứu khoa học và quản trị nhà trường. Trong quản trị giáo dục hiện đại, tự chủ và trách nhiệm giải trình có mối quan hệ gắn bó, bổ trợ lẫn nhau; mức độ tự chủ càng cao thì yêu cầu giải trình càng lớn (Mishra, 2021; Pham et al., 2025). Quá trình sáp nhập cơ sở giáo dục vừa tạo điều kiện tăng cường quyền tự chủ thông qua tối ưu hóa nguồn lực, vừa đòi hỏi hoàn thiện cơ chế quản trị, kiểm soát nội bộ và công khai thông tin. Vì vậy, để sáp nhập nâng cao chất lượng giáo dục, cần gắn tái cấu trúc tổ chức với mở rộng quyền tự chủ và xây dựng cơ chế giải trình minh bạch, hiệu quả.

III. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH SAU SÁP NHẬP CƠ SỞ GIÁO DỤC HIỆN NAY

3.1. Cơ hội đối với thực hiện quyền tự chủ

Việc sáp nhập các cơ sở giáo dục được kỳ vọng sẽ tạo ra những thay đổi tích cực trong quản trị nhà trường thông qua việc tái cấu trúc tổ chức, tinh gọn đầu mối quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực (Wollscheid & Rosdal, 2021; Estermann & Nokkala, 2009). Thay vì duy trì nhiều đơn vị hoạt động độc lập với quy mô nhỏ, nguồn lực phân tán và chi phí quản lý lớn, mô hình sau sáp nhập cho phép tập trung nguồn lực về đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính và chương trình đào tạo, từ đó tạo nền tảng thuận lợi để các cơ sở giáo dục thực hiện quyền tự chủ một cách hiệu quả hơn.

Thứ nhất, sáp nhập góp phần nâng cao năng lực tự chủ về tổ chức và quản trị. Khi bộ máy được tinh gọn, chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị được rà soát, sắp xếp theo hướng giảm chồng chéo, quá trình ra quyết định trở nên thống nhất và hiệu quả hơn. Đồng thời, việc xây dựng một mô hình quản trị mới sau sáp nhập cũng tạo cơ hội để các cơ sở giáo dục đổi mới phương thức quản lý, tăng cường phân cấp, phân quyền và nâng cao trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc. Thứ hai, sáp nhập tạo điều kiện tăng cường quyền tự chủ tài chính. Việc hợp nhất các nguồn lực giúp tối ưu hóa chi phí quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, sử dụng hợp lý đội ngũ giảng viên và giảm sự trùng lặp trong đầu tư. Bên cạnh đó, cơ sở giáo dục có quy mô lớn hơn thường có lợi thế trong việc đa dạng hóa nguồn thu thông qua mở rộng quy mô tuyển sinh, phát triển các chương trình đào tạo mới, tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác với doanh nghiệp. Đây là những điều kiện quan trọng giúp nâng cao năng lực tự chủ tài chính, giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Thứ ba, sáp nhập góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Việc tập trung đội ngũ giảng viên, chuyên gia và nguồn lực nghiên cứu tạo điều kiện hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, phát triển chương trình đào tạo liên ngành và tăng khả năng chia sẻ học liệu, phòng thí nghiệm cũng như các nguồn lực học thuật khác. Điều này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn cải thiện uy tín, thương hiệu và năng lực cạnh tranh của cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế. Ngoài ra, quá trình sáp nhập cũng thúc đẩy đổi mới quản trị theo hướng hiện đại, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung và chuẩn hóa quy trình quản trị. Đây là những yếu tố quan trọng để thực hiện hiệu quả quyền tự chủ trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

3.2. Những thách thức đặt ra đối với quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình

Bên cạnh những cơ hội, quá trình sáp nhập cũng đặt ra nhiều thách thức đối với việc thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục. Trước hết, thách thức lớn nhất là sự khác biệt về mô hình quản trị, văn hóa tổ chức và cơ chế hoạt động giữa các cơ sở giáo dục trước khi sáp nhập (Mishra, 2021; Hoa & Nhung, 2025). Mỗi đơn vị đều có lịch sử hình thành, phương thức quản lý, giá trị văn hóa và cơ chế vận hành riêng. Nếu không có lộ trình tích hợp phù hợp, quá trình sáp nhập có thể dẫn đến xung đột trong quản trị, ảnh hưởng đến hiệu quả điều hành và tâm lý của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Thứ hai, việc mở rộng quy mô tổ chức đồng nghĩa với việc gia tăng yêu cầu về năng lực quản trị. Một cơ sở giáo dục sau sáp nhập thường có số lượng người học, chương trình đào tạo, đơn vị trực thuộc và nguồn lực tài chính lớn hơn đáng kể so với trước đây. Điều này đòi hỏi đội ngũ lãnh đạo phải có tư duy quản trị hiện đại, khả năng điều phối nguồn lực và năng lực quản lý thay đổi. Nếu năng lực quản trị không được nâng cao tương xứng, quyền tự chủ rất khó phát huy hiệu quả. Thứ ba, tự chủ tài chính sau sáp nhập không đồng nghĩa với việc các cơ sở giáo dục sẽ ngay lập tức có nguồn lực tài chính mạnh hơn. Trong giai đoạn đầu, nhiều đơn vị phải đầu tư cho việc chuẩn hóa hệ thống quản lý, nâng cấp cơ sở vật chất, sắp xếp nhân sự, đồng

bộ chương trình đào tạo và giải quyết các chi phí phát sinh trong quá trình tái cơ cấu. Nếu không có chiến lược tài chính phù hợp, áp lực cân đối thu – chi có thể trở thành rào cản đối với việc thực hiện quyền tự chủ.

Một thách thức quan trọng khác là yêu cầu ngày càng cao về trách nhiệm giải trình. Khi được trao nhiều quyền tự chủ hơn, các cơ sở giáo dục phải công khai thông tin về tài chính, chất lượng đào tạo, kết quả nghiên cứu khoa học, hiệu quả sử dụng nguồn lực và việc thực hiện các cam kết với người học cũng như xã hội. Điều này đòi hỏi nhà trường phải xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, tăng cường kiểm soát nội bộ, hoàn thiện cơ chế giám sát và nâng cao chất lượng công tác kiểm định. Nếu trách nhiệm giải trình không được thực hiện đầy đủ, quyền tự chủ có thể làm gia tăng các rủi ro trong quản trị và làm giảm niềm tin của các bên liên quan. Như vậy, sáp nhập cơ sở giáo dục vừa mở ra cơ hội quan trọng để đổi mới quản trị, nâng cao năng lực tự chủ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, vừa đặt ra những yêu cầu mới về năng lực quản trị và trách nhiệm giải trình. Do đó, hiệu quả của quá trình sáp nhập không chỉ phụ thuộc vào việc tổ chức lại bộ máy mà còn phụ thuộc vào khả năng xây dựng mô hình quản trị hiện đại, phát huy quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình và bảo đảm sự phát triển bền vững của cơ sở giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

IV. HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Từ những phân tích về cơ hội và thách thức của việc thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình sau sáp nhập cơ sở giáo dục, bài viết đề xuất bốn hàm ý chính sách.

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý về sáp nhập gắn với quyền tự chủ, ban hành hướng dẫn cụ thể về mô hình tổ chức, cơ chế quản trị, phân cấp, quản lý tài chính và sử dụng nguồn lực sau sáp nhập.

Thứ hai, nâng cao năng lực quản trị của các cơ sở giáo dục thông qua bồi dưỡng đội ngũ quản lý, đổi mới phương thức quản trị theo hướng hiện đại, tăng cường phân cấp, ứng dụng công nghệ số và chuẩn hóa quy trình quản lý.

Thứ ba, thực hiện quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình và kiểm định chất lượng. Các cơ sở giáo dục cần công khai thông tin về tài chính, đào tạo, nghiên cứu và sử dụng nguồn lực; đồng thời phát huy vai trò của hội đồng trường, kiểm soát nội bộ và kiểm định chất lượng trong giám sát việc thực hiện quyền tự chủ.

Thứ tư, xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả sau sáp nhập với các tiêu chí về quản trị, mức độ tự chủ, hiệu quả sử dụng nguồn lực, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và trách nhiệm giải trình, làm cơ sở điều chỉnh chính sách và hoàn thiện mô hình quản trị.

Nhìn chung, sáp nhập cơ sở giáo dục chỉ phát huy hiệu quả khi được triển khai đồng bộ với đổi mới quản trị, mở rộng quyền tự chủ và tăng cường trách nhiệm giải trình, góp phần nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của các cơ sở giáo dục.

V. KẾT LUẬN

Sáp nhập cơ sở giáo dục là xu hướng tất yếu trong quá trình đổi mới quản trị và sắp xếp hệ thống giáo dục theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Kết quả phân tích cho thấy, quá trình sáp nhập không chỉ tạo điều kiện tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị và mở rộng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục mà còn đặt ra yêu cầu cao hơn về minh bạch, trách nhiệm giải trình và bảo đảm chất lượng đào tạo. Để quá trình sáp nhập phát huy hiệu quả, cần triển khai đồng bộ các giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách, đổi mới mô hình quản trị, nâng cao năng lực quản lý và xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá phù hợp. Chỉ khi quyền tự chủ được thực hiện gắn với trách nhiệm giải trình, các cơ sở giáo dục mới có thể phát triển bền vững, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, bài viết cũng gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo về đánh giá thực nghiệm hiệu quả của các mô hình sáp nhập đối với chất lượng quản trị và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Aghion, P., Dewatripont, M., Hoxby, C., Mas-Colell, A., & Sapir, A. (2010). The governance and performance of universities: Evidence from Europe and the U.S. Economic Policy, 25(61), 7–59.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2017). Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy (khóa XII).

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2025). Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2025). Nghị định 111/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 60/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trích xuất ngày 01/7/2026 từ https://

thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-111-2025-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-60-2021-ND-CP-co-che-tu-chu-tai-chinh-don-vi-cong-lap-588880.aspx

Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2021). Nghị định 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trích xuất ngày 01/7/2026 từ https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=203429

Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2025). Nghị quyết 281/NQ-CP năm 2025 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Đào, T. T. (2020). Nghiên cứu mô hình đại học tự chủ và các giải pháp tăng quyền tự chủ. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 16(4), 72–81.

Estermann, T., & Nokkala, T. (2009). University autonomy in Europe I: Exploratory study. European University Association. http://www.eua.eu.

Hoa, Đ. T. P., & Nhung, V. Q. (2025). Vietnam's university autonomy policy: An educational policy analysis perspective. International Journal of Environmental Sciences, 11(12s), 1234–1245.

Jongbloed, B., Enders, J., & Salerno, C. (2008). Higher education and its communities: Interconnections, interdependencies and a research agenda. Higher Education, 56(3), 303–324.

Pham, H.-H., et al. (2025). A bibliographic analysis of university autonomy and accountability in Southeast Asia 1996–2023. International Journal of Comparative Education and Development, 27(1), 44–68. https://doi.org/10.1108/IJCED-10-2023-0099

Mishra, S. (2021). Agency and accountability in higher education governance. International Journal of Management in Education, 15(2), 97–115.

Nguyễn, A. T. (2021). Mô hình chủ thể trong quản trị Đại học tư thục ở Việt Nam gắn với trách nhiệm giải trình. Tạp chí Quản lý Nhà nước, 162, 45–53.

OECD. (2020). Benchmarking Higher Education System Performance: Results Report. OECD Publishing.

OECD. (2023). Education at a Glance 2023. OECD Publishing.

Phạm, Đ. N. T. (2018). Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 15(1), 12–20.

Salmi, J. (2007). Autonomy from the state vs. responsiveness to markets. Higher Education Policy, 20(3), 223–242.

Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2025). Luật Giáo dục đại học (Luật số: 125/2025/QH15). Trích xuất ngày 01/7/2026 từ https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-Giao-duc-dai-hoc-2025-so-125-2025-QH15-663779.aspx

Tuan, N. A., Minh, T. N., Chu, N. T. H., & Ngoc, N. T. B. (2021). To measure the degrees of autonomy in Vietnam. Journal of the International Academy for Case Studies, 27(4S), 1–14.

Tuấn, N. A. (2024). Tự chủ tài chính trong các trường đại học Việt Nam: Thực trạng và những khuyến nghị. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 20(03), 9–10.

UNESCO. (2021). Reimagining our futures together: A new social contract for education. UNESCO.

Varghese, N. V., & Martin, M. (2014). Financing Higher Education: A Comparative Perspective (IIEP Advanced Studies in Education). UNESCO Publishing.

World Bank. (2020). Improving the performance of higher education in Vietnam: Strategic priorities and policy options. World Bank.

World Bank. (2022). Higher Education Finance and Governance. World Bank.

Wollscheid, S., & Røsdal, E. (2021). The impact of mergers in higher education on micro-level processes – A literature review. Tertiary Education and Management, 27(2), 117–137. https://doi.org/10.1007/s11233-021-09074-4